

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày: 14-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đăng Khoa
- Ông Lê Trọng Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa sơ thẩm số: 15/2024/TB-TA ngày 17 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu Khắc D, sinh năm: 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số D, ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn N, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị N1, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Lập Điền, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

2. Bà Bạch Thị S, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

3. Bà Biện Thị Ngọc N2, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 24/7/2023 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lưu Khắc D trình bày:

Do quen biết nhau nên vào ngày 04/02/2023 ông Lưu Khắc D có lập “*hợp đồng nhận tiền thêm*” với nội dung cho ông Đặng Văn N vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Biện Thị Ngọc N2 và bà Đặng Thị N1 tại thửa đất số 1669, 1675, 1676 và 1670 cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An nhưng thực chất đây là hợp đồng vay tiền. Thời hạn trả là 06 tháng (kể từ ngày 04/02/2023 đến ngày 04/8/2023 nhưng ghi nhầm đến ngày 04/10/2023), lãi suất 5%/tháng, trả lãi vào ngày 04 tây hàng tháng, mục đích vay để ông N mua xe, khi vay không thể chấp tài sản gì cho ông D và ông N có ký tên vào giấy hợp đồng nhận tiền thêm. Từ khi vay đến nay ông N chưa trả lãi và gốc cho ông D mặc dù đã liên hệ nhiều lần nhưng ông N cố tình lẩn tránh.

Đối với “*hợp đồng nhận tiền thêm*” trong đó ông D có ghi nội dung liên quan đến các thửa đất số 1669, 1675, 1676 và 1670 cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An là vì trước đó giữa bà N2 với ông N, bà N1 tiến hành hợp đồng chuyển nhượng QSD các thửa đất trên nên ông D tự ghi kèm thêm nội dung này vào để ràng buộc trách nhiệm của ông N khi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Thực tế thì bà N2 và bà N1 không liên quan đến việc thỏa thuận này vì nội dung do ông tự ghi và cũng không có mặt bà N2, bà N1 khi lập hợp đồng. Nay ông D chỉ yêu cầu ông N trả số tiền vay, không liên quan đến các cá nhân khác và cũng không liên quan đến các thửa đất nêu trên.

Theo đơn khởi kiện ông D yêu cầu ông Đặng Văn N trả cho ông D số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng) và lãi 18.813.000đồng, tính từ ngày 04/02/2023 đến ngày 24/7/2023 và tiếp tục yêu cầu ông N trả lãi cho đến khi dứt nợ. Theo biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2024 và tại phiên tòa, ông D thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông D chỉ yêu cầu ông N trả số tiền 200.000.000đồng, yêu cầu trả một lần và không yêu cầu trả lãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N1 trình bày:* bà là em ruột của ông Đặng Văn N, bà không biết sự việc vay tiền giữa ông Lưu Khắc D và ông Đặng Văn N, bà không chứng kiến, không ký tên và cũng không liên quan đến các thửa đất 1669, 1675, 1676 và 1670 thỏa thuận trong hợp đồng nhận tiền thêm giữa ông D và ông N nên các bên tranh chấp tự giải quyết với nhau. Bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện này, do bận công việc nên bà xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Biện Thị Ngọc N2 trình bày:*

Bà là bạn với ông Lưu Khắc D. Trước đây ông N có điện thoại hỏi mượn tiền bà nhưng bà không cho mượn, sau đó bà có nghe thông tin ông D có cho ông N mượn 200.000.000đồng. Đối với nội dung trong hợp đồng mượn tiền thì bà không biết vì bà không chứng kiến, không ký tên nên không liên quan đến hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất 1669, 1675, 1676 và 1670 giữa bà và ông N. Bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện này và các bên tranh chấp tự giải quyết với nhau, do bận công việc nên bà xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bạch Thị S trình bày:

Bà là vợ ông Lưu Khắc D, chồng bà có cho ông Đặng Văn N vay số tiền 200.000.000đồng, do ông D trực tiếp cho ông N vay nên ông D sẽ đứng ra khỏi kiện. Bà không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ kiện và ông D sẽ có toàn quyền quyết định đối với số tiền này. Do bận công việc nên bà xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, thực hiện thủ tục đăng báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Đặng Văn N vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Căn cứ vào hợp đồng nhận thêm tiền ngày 04/02/2023 do nguyên đơn cung cấp. Mặc dù hình thức không thể hiện việc vay tiền cụ thể nhưng nội dung thể hiện ngày 04/02/2023 ông Đặng Văn N có nhận số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 04/02/2023 đến 04/10/2023, lãi suất 5%/tháng, trả lãi vào ngày 04 tây hàng tháng và ông N có ký tên phía dưới “Người nhận tiền” nên có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi suất.

Bị đơn ông Đặng Văn N mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tòa án để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Mặc khác khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Do đó căn cứ vào yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở giải quyết vụ án.

Từ những căn cứ đã viện dẫn, căn cứ Điều 463, 466 BLDS 2015 xét thấy bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận đã thỏa thuận trong hợp đồng nhận thêm tiền ngày 04/2/2023 nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn 200.000.000 đồng là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, đề nghị ghi nhận.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Lưu Khắc D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đặng Văn N có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền vay 200.000.000 đồng nên xác định quan hệ “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Đặng Văn N có địa chỉ tại xã L, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Cần Đức thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, bị đơn ông Đặng Văn N đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N1, bà Bạch Thị S và bà Biện Thị Ngọc N2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét thấy, ông Lưu Khắc D khởi kiện ông Đặng Văn N yêu cầu trả số tiền vay 200.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần và không yêu cầu trả lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số tiền vay:

Ông Lưu Khắc D cho ông Đặng Văn N vay số tiền 200.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nợ do ông D lập, ông D xác định ông N có ký tên vào giấy nợ nhưng từ khi vay đến nay chưa trả tiền gốc và lãi cho ông D.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, trong đó có “*hợp đồng nhận tiền thêm*” đề ngày 04/02/2023 do ông D cung cấp. Ông D xác định đây là hợp đồng vay, ông N có ký tên vào hợp đồng nhưng ông N không có ý kiến phản đối nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thỏa thuận thời hạn trả tiền là 06 tháng nhưng đến nay ông N vẫn không trả. Như vậy, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Giao dịch dân sự giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự thỏa thuận, có nội dung và hình thức không vi phạm

điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118 và Điều 119 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Khắc D, cần buộc ông N có trách nhiệm trả cho ông D số tiền vay là 200.000.000đồng.

[2.2] Về số tiền lãi: do ông Lưu Khắc D thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông D không yêu cầu ông N trả số tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: ông Lưu Khắc D tự nguyện chịu 3.215.000đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự (đã nộp xong).

[5] Về án phí: ông Đặng Văn N có nghĩa vụ chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông Lưu Khắc D theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 228; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 118; 119; 357; 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Khắc D về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Đặng Văn N.

Buộc ông Đặng Văn N có trách nhiệm trả cho ông Lưu Khắc D số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng).

2. Về án phí: ông Đặng Văn N phải chịu 10.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lưu Khắc D số tiền 5.470.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006113 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: ông Lưu Khắc D tự nguyện chịu 3.215.000đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự (đã nộp xong).

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung